

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2021

*V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quàng Văn Minh**

2. Ông **Giàng A Khá**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lò Văn P** - Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Đội 9, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Quàng Thị M** - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Đội 9, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Lò Văn P trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh P và chị M kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống

bất đồng vì vậy anh chị cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Anh P cam đoan hiện tại chị M không mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Nay tình cảm của anh P đối với chị M không còn, vì vậy anh P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho anh P được ly hôn với chị M.

- *Về con chung*: Anh P và chị M có 01 con chung là Lò Ngọc H - Sinh ngày: 14/7/2015.

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2020 anh P có nguyện vọng để cho chị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H mỗi tháng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 30/6/2021 anh P trình bày do chị M đi làm ăn ở xa 1 - 2 tháng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Vì vậy nay anh P thay đổi yêu cầu khởi kiện là anh có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con anh P tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết. Về thu nhập của anh P từ nghề làm ruộng mỗi tháng được khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh P khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa anh Lò Văn P và chị Quàng Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Quàng Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị M vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của chị M không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị M là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo như anh P trình bày là do tính tình không hợp, quan điểm

sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa anh P khẳng định anh không còn tình cảm với chị M nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy anh P tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với chị M.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án chị M không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện chị M chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của anh P và chị M vẫn hòa thuận, hạnh phúc (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 26/4/2021 của anh Lò Văn P có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 40). Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh P được ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung*: Anh P và chị M có 01 con chung là: Lò Ngọc H - Sinh ngày: 14/7/2015. Nguyện vọng của anh P sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H vì chị M đi làm ăn ở xa 1 - 2 tháng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, xét về mặt thực tế chị M thường xuyên đi làm ăn ở xa 1 - 2 tháng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Mặt khác, tại bản tự khai và tại phiên tòa anh P khai thu nhập của anh từ nghề làm ruộng mỗi tháng được khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng, anh P đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị anh P không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, Tòa án cần giao cháu Lò Ngọc H cho anh P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

*) *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh P khai không có.

*) *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn anh Lò Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho anh Lò Văn P được ly hôn với chị Quàng Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Ngọc H - Sinh ngày: 14/7/2015 cho anh P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị M có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình anh P không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị M.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh P khai không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn anh Lò Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0004772 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự anh Lò Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2021). Chị Quàng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện DB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Vũ Thị Tuyền